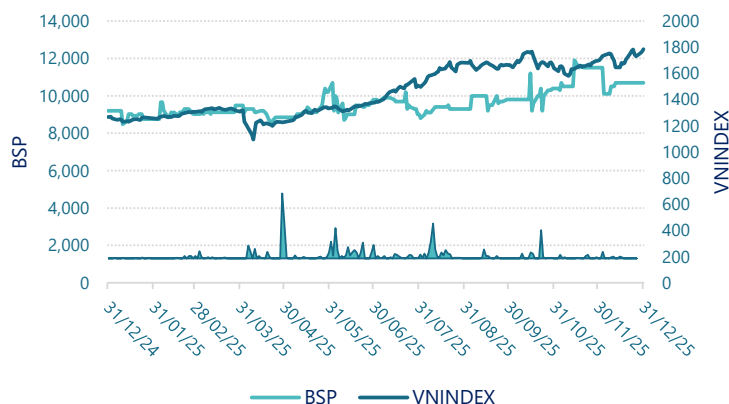


CTCP Bia Sài Gòn - Phú Thọ (UPCOM: BSP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	10,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,477
SL cổ phiếu LH	12,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	125
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	134
P/E	15.4
EPS	696

DT thuần

Q4/25

94.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.50| -9.1%

YoY: ▼32.5| -25.6%

LN sau thuế

Q4/25

1.43

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.32| -81.5%

YoY: ▼2.52| -63.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

3.7%

+/- YoY: ▲ 1.0%

DT thuần

2025

360

tỷ VNĐ

YoY: ▼34.0| -8.6%

LN sau thuế

2025

8.70

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.06| 31.1%

ROE

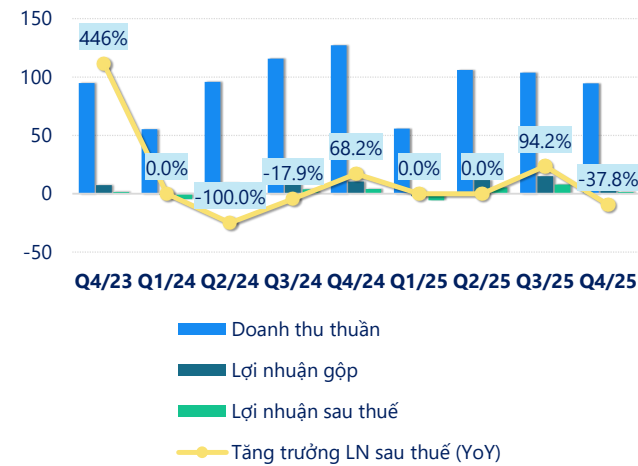
2025

4.6%

+/- YoY: ▲ 1.2%

tỷ VNĐ

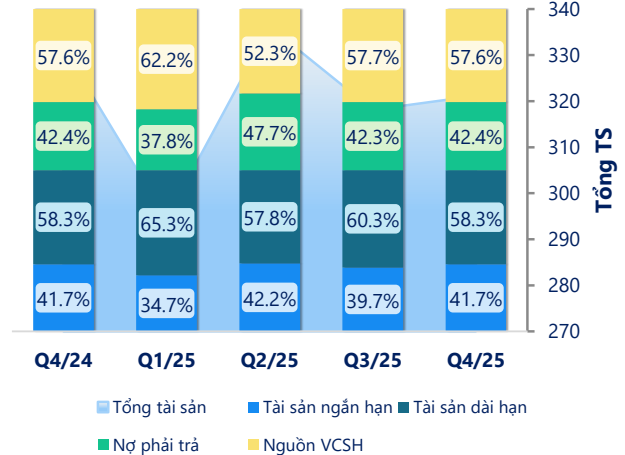
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

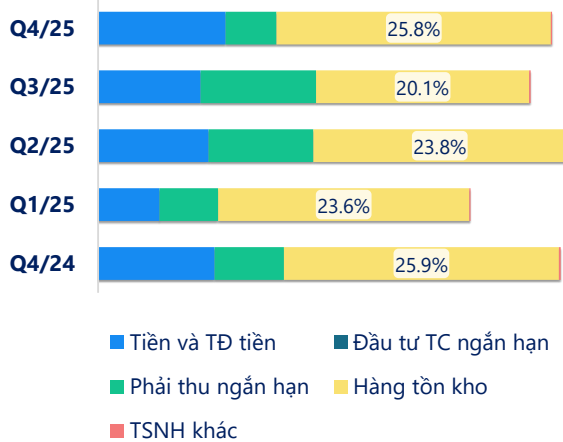
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



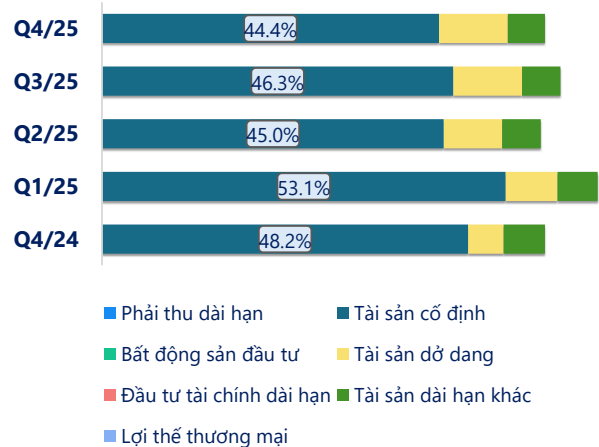
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

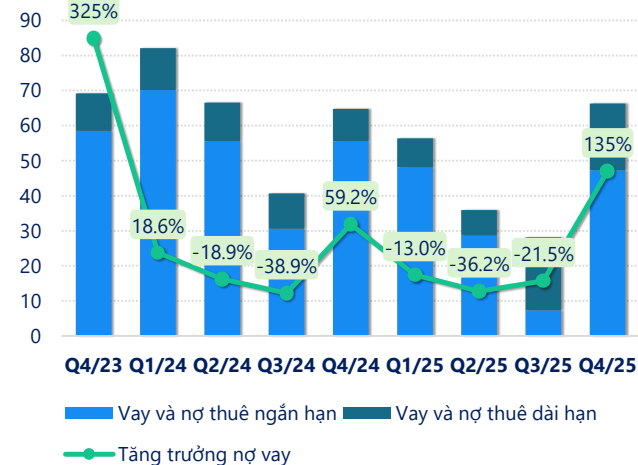
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

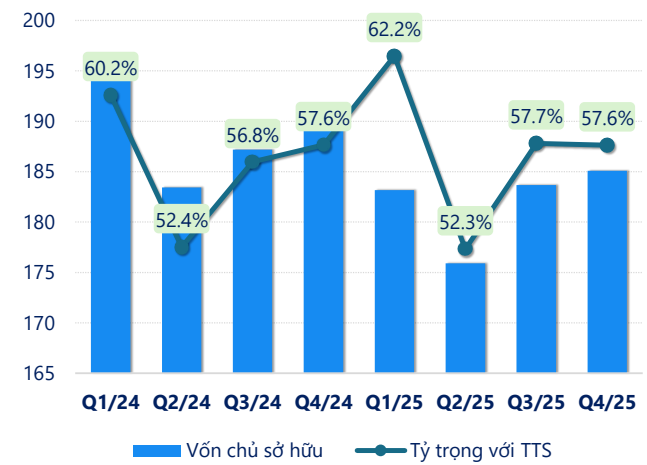
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

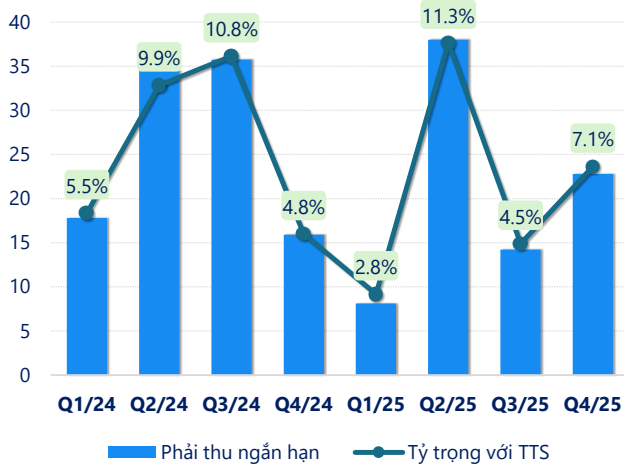
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



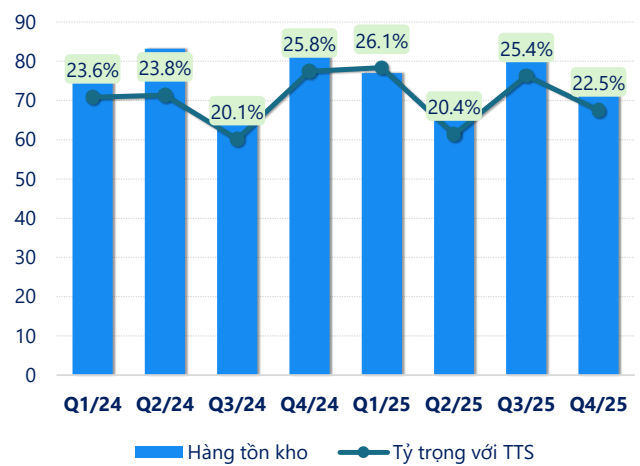
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


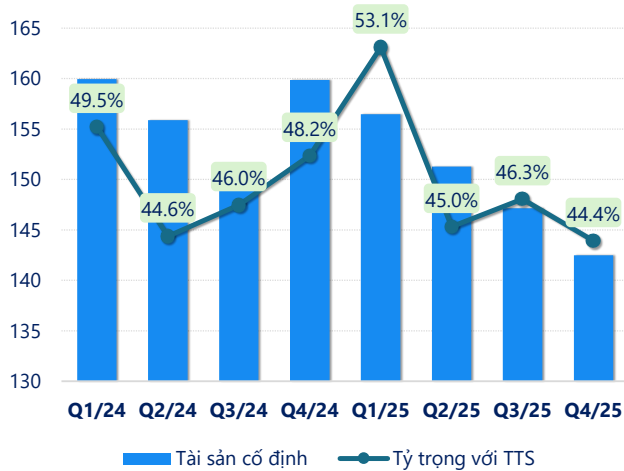
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


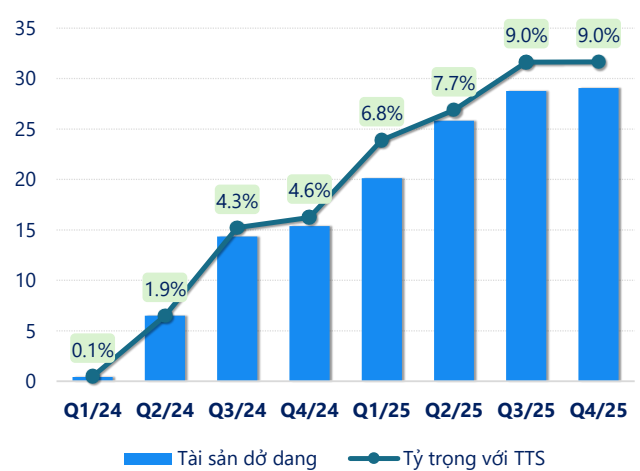
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

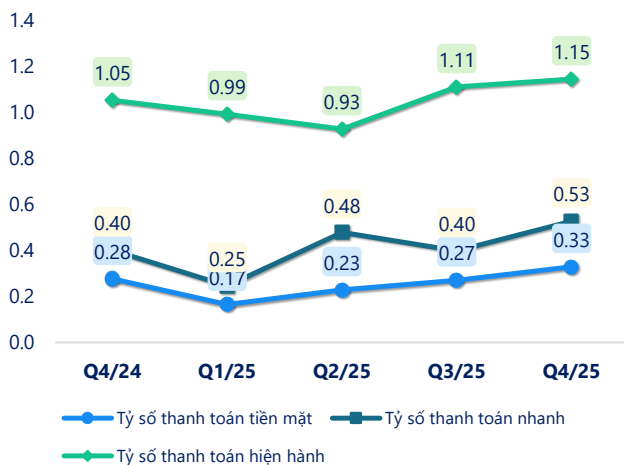
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

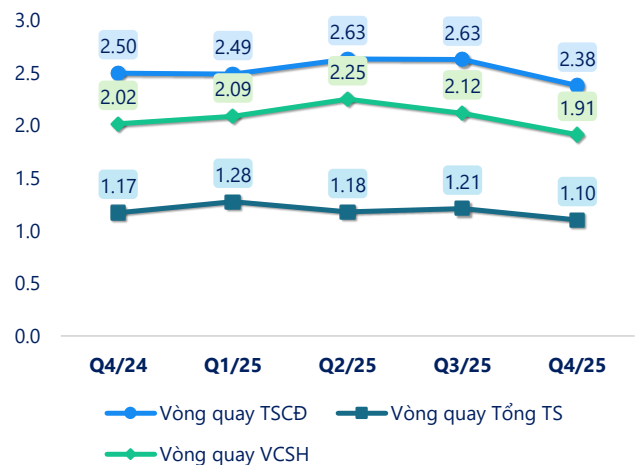
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	332	295	336	318	321
Tài sản ngắn hạn	138	102	142	126	134
Tiền và tương đương tiền	36.4	17.0	34.9	30.7	38.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	15.9	8.11	38.0	14.2	22.8
Hàng tồn kho	85.6	76.9	68.7	80.9	72.3
Tài sản ngắn hạn khác	0.32	0.23	0.24	0.33	0.38
Tài sản dài hạn	193	192	194	192	187
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	160	156	151	147	142
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	15.4	20.1	25.8	28.8	29.1
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	18.1	15.6	17.2	16.1	15.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	140	111	160	134	136
Nợ ngắn hạn	131	103	153	114	117
Vay và nợ thuê ngắn hạn	55.6	48.1	28.6	7.28	47.2
Phải trả người bán ngắn hạn	8.03	8.75	23.6	18.6	7.13
Nợ dài hạn	9.21	8.30	7.30	20.9	19.1
Vay và nợ thuê dài hạn	9.21	8.30	7.30	20.9	19.1
Nguồn vốn chủ sở hữu	191	183	176	184	185
Vốn chủ sở hữu	191	183	176	184	185
Vốn điều lệ	125	125	125	125	125
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)